

Bảo Lâm, ngày 30 tháng 10 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đăng ký danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2021 và đề xuất các công trình, dự án trọng điểm có sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Bảo Lâm

Thực hiện Công văn số 2313/UBND-NĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 và đề xuất nhu cầu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030.

Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm báo cáo và đề xuất các công trình, dự án trọng điểm có sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2021 cụ thể như sau:

1. Tình hình triển khai Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 và đề xuất nhu cầu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030.

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Công văn số 1278/UBND-TNMT ngày 28 tháng 9 năm 2020 về việc đăng ký danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện và Công văn số 1333/UBND-TNMT ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc đôn đốc, rà soát, thực hiện đăng ký công trình, dự án có nhu cầu sử dụng đất làm cơ sở để lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện gửi các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

2. Kết quả thực hiện danh mục các công trình, dự án theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**Kết quả thực hiện danh mục các công trình, dự án theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.*

Trong năm 2020 huyện Bảo Lâm thực hiện theo Nghị quyết là 56 công trình dự án, bổ sung danh mục công trình dự án trong năm 2020 là 05 công trình: Kết quả thực hiện được 42/61 công trình đạt 68,9% so với kế hoạch được phê duyệt. Công trình dự án chưa thực hiện được và không khả thi là 19/61 công trình đạt 31,1% so với kế hoạch được phê duyệt. Trong đó, công trình dự án thực hiện trong năm 2020 là 06/61 công trình đạt 9,8% so với kế hoạch được phê duyệt, công trình chuyển tiếp là 03/61 công trình đạt 4,9% so với kế hoạch được phê duyệt, công

trình dự án đề nghị hủy bỏ do quá 3 năm không thực hiện và không khả thi là 10/61 công trình.

**Kết quả thực hiện danh mục các công trình, dự án theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.*

Trong năm 2020 huyện Bảo Lâm thực hiện theo Nghị quyết là 27 công trình: Thực hiện được 20/27 công trình đạt 74,1% so với kế hoạch được phê duyệt. Công trình dự án chưa thực hiện được và không khả thi là 7/27 công trình đạt 25,9% so với kế hoạch được phê duyệt. Trong đó, công trình dự án thực hiện trong năm 2020 là 2/27 công trình đạt 7,4% so với kế hoạch được phê duyệt, công trình chuyển tiếp là 03/27 công trình đạt 11,1% so với kế hoạch được phê duyệt, công trình dự án đề nghị hủy bỏ do quá 3 năm không thực hiện và không khả thi là 2/27 công trình.

(Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm)

* Những tồn tại trong quá trình thực hiện

Một số dự án chưa thực hiện do nguồn Ngân sách chưa phân bổ kịp thời, khả năng huy động vốn chưa đáp ứng được yêu cầu; khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng.

* *Nguyên nhân:* Các công trình dự án đã đăng ký theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đa số các công trình thực hiện theo đúng tiến độ và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư đúng thời gian. Tuy nhiên, vẫn còn một số công trình dự án đã đăng ký 03 năm nhưng chưa thực hiện, lý do chưa có vốn đầu tư; một số công trình chỉ bê tông hóa trên nền đường cũ, không phải thu hồi đất và một số công trình dân không nhất trí hiến đất.

3. Hiện trạng và biến động sử dụng đất trên địa bàn thời kỳ 2011-2020.

(có phụ biểu 02 đính kèm)

4. Đánh giá chung

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được lập đúng theo quy định của Luật đất đai năm 2013, mang tính khả thi cao, thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội, quỹ đất được bố trí hợp lý, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và đảm bảo nguyên tắc bảo vệ quỹ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

- Quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được thực hiện theo đúng với kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt. Quá trình thu hồi đất thực hiện dự án được đồng thuận và sự nhất trí cao của đa số người dân có đất bị thu hồi.

5. Đề xuất các công trình, dự án trọng điểm có sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 huyện Bảo Lâm.

Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm đã ban hành Công văn số 1278/UBND-TNMT ngày 28 tháng 9 năm 2020 về việc đăng ký danh mục các công trình, dự án

cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện. Sau khi UBND huyện nhận được báo cáo của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn về đăng ký danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2021. Trên cơ sở đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện tổng hợp nhu cầu sử dụng đất đối với các xã, thị trấn với chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh đã phân bổ, đồng thời tham mưu cho UBND huyện lập danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 và đề xuất các công trình, dự án trọng điểm có sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Bảo Lâm

(Có phụ lục 3, 4, 5 đính kèm)

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Bảo Lâm nhất trí với danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2021 và các công trình, dự án trọng điểm có sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Bảo Lâm trước khi gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng thông qua các danh mục, dự án./.

Nơi nhận:

- TT UBND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT (02b);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Quang Thiên

TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT VÀ ĐĂNG KÝ NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG TRONG NĂM 2020 CỦA HUYỆN BẢO LÂM
(Kèm theo Tờ trình số: 1432/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của UBND huyện Bảo Lâm)

STT	Công trình, dự án	Theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND năm 2019 và các đợt bổ sung				Kết quả thực hiện năm 2020				Ghi chú		
		Số lượng công trình	Tổng diện tích (ha)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ đặc dụng	Đất khác	Số lượng công	Tổng diện tích (ha)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ đặc dụng	Đất khác
I	Thu hồi đất											
I.1	Công trình chuyển tiếp											
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng an ninh											
1	Thao trường bắn, bãi tập huấn luyện Ban CHQS huyện (Ngân sách bổ sung do tỉnh bố trí năm 2019, Công văn 114/CV-TMNT của UBND huyện Bảo Lâm ngày 29 tháng 9 năm 2017)		28,00	2,00	10,00	16,00						
II	Công trình dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng											
1	Dự án thủy điện Mông Ân (QĐ số 2019/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư dự án thủy điện Mông Ân, QĐ số 259/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư thủy điện Mông Ân)		58,15	0,08	0,19	57,88		95,91	0,11		95,8	
III	Công trình, dự án cấp huyện											
I	Đất phát triển cơ sở hạ tầng cấp huyện, cấp xã											
I.1	Đất giao thông											
1	Đường Khuổi Duốc - Nà Lóm, xã Thái Sơn (QĐ số 392/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ không thực hiện theo cơ chế đặc thù)		1,80	0,60		1,20		1,80	0,60		1,20	
2	Nền đường GTNT ngã ba Khâu Sáng - Nà Hiên, xã Vĩnh Quang (NQ số 50/NQ-HĐND ngày 29/6/2018 của HDND huyện Bảo Lâm v/v phê chuẩn điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020)		1,70			1,70		1,70			1,70	
3	Công bản B80, D75 xóm Nà Môn, xã Nam Cao (QĐ số 382/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn huyện Bảo Lâm tỉnh Cao Bằng)		0,01			0,01				0,01		
4	Mặt đường bê tông xi măng xóm Phiêng Han- Tân Lĩnh, xã Nam Cao (QĐ số 382/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đặc thù)		0,09	0,04		0,05						
5	Công trình GTNT Nà Đùng - Khuổi Qua - Khuổi Hậu xã Tân Việt - Nà Ó xã Thạch Lâm (QĐ số 372/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư dự án		2,85	0,20	0,75	1,90		0,72			0,72	
			2,75		0,75	2,00						

6	Công trình đường Phiêng Dăm - Pác Ngâm, xã Lý Bôn (NQ số 50/NQ-HĐND ngày 29/6/2018 của HĐND huyện Bảo Lâm V/v phê chuẩn bổ sung kế hoạch đầu tư công chung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020)		1,00		0,70		0,30		1,00		0,70		0,30
7	Công trình đường Tà Lâu, xóm Tổng Ác 5 km, xã Lý Bôn, (NQ số 50/NQ-HĐND ngày 29/6/2018 của HĐND huyện Bảo Lâm V/v phê chuẩn bổ sung kế hoạch đầu tư công chung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020)		5,00		1,00		4,00						
8	Đường GTNT Bàn Bó-Nậm Ngườc, xã Thái Học (NQ số 50/NQ-HĐND ngày 29/6/2018 của HĐND huyện Bảo Lâm V/v phê chuẩn bổ sung kế hoạch đầu tư công chung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020)		0,25				0,25		3,40				3,40
9	Đường GTNT Bàn Rán - Thảm Thống, xã Thái Học (QĐ số 382/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đặc thù)		0,38	0,10			0,28		0,38				0,38
10	Nền đường giao thông Tổ 2 - Tổ 3, xóm Nà Hếng, xã Nậm Quang (QĐ số 382/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đặc thù)		1,60				1,60						
11	Công trình đường GTNT Tổng Ngòi - Nà Luông - Nà Kiêng - Phiêng Phát Lũng Kim - Tổng Chảo xã Quảng Lâm (QĐ số 371 - QĐ/UBND ngày 04/9/2018 về chủ trương đầu tư dự án Công trình đường GTNT Tổng Ngòi - Nà Luông - Nà Kiêng - Phiêng Phát Lũng Kim - Tổng Chảo xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm)		2,72	0,2	0,5		2,02		1,98	0,06			1,91
12	Đường GTNT Phiêng Pén - Phiêng Lũng - Nà Mí, xã Lý Bôn thuộc tuyến đường Nà Pòng - Phiêng Pén - Phiêng Dăm - Pác Ngâm lý trình km7 +332,5 - km16 (QĐ số 1404/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư dự án : Đường GTNT Phiêng Pén - Phiêng Lũng - Nà Mí, xã Lý Bôn thuộc tuyến đường Nà Pòng - Phiêng Pén - Phiêng Dăm - Pác Ngâm lý trình km7 +332,5 - km16)		2,20	0,70	1,00		0,50		3,19	0,01	0,04		3,15
13	Đường GTNT Cà Đông A - Cà Đông B thuộc xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm (Công văn số 2943/UBND-TH ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất CTĐT các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách TW hỗ trợ theo QĐ số 2085/QĐ-TTg và 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)		0,80				0,80						
1,2	Đất thủy lợi												
1	Mương bê tông xóm Nà Hếng, xã Nậm Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng (QĐ số 392/QĐ-UBND ngày 9/4/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục nhóm C quy mô nhỏ không thực hiện theo quy chế đặc thù)		1,40				1,40		1,40				1,40
2	Mương thủy lợi xóm Lũng Vài, xã Thái Sơn (QĐ số 382/QĐ-UBND ngày 9/9/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo quy chế đặc thù)		0,01				0,01		0,04				0,04

1	Điểm trường Nà Đon thuộc trường Mầm non Quảng Lâm (QĐ số 1134/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Các phòng học thuộc chương trình kiên cố hóa, các trường lớp học Mầm non, tiêu học tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2017-2020)	0,03	0,01	0,02	0,03	0,01	0,02
2	Điểm trường chính thuộc trường Mầm non Lý Bôn (QĐ số 1134/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Các phòng học thuộc chương trình kiên cố hóa, các trường lớp học Mầm non, tiêu học tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2017-2020)	0,16		0,16	0,09		0,09
3	Điểm trường Phiêng Phàng thuộc trường Mầm non Nam Quang (QĐ số 1134/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Các phòng học thuộc chương trình kiên cố hóa, các trường lớp học Mầm non, tiêu học tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2017-2020)	0,05		0,05			
4	Điểm trường chính thuộc trường Mầm non Nam Cao (QĐ số 1134/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Các phòng học thuộc chương trình kiên cố hóa, các trường lớp học Mầm non, tiêu học tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2017-2020)	0,05		0,05	0,04		0,04
5	Điểm trường Phiêng Pèn thuộc trường Mầm non Lý Bôn (QĐ số 1134/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Các phòng học thuộc chương trình kiên cố hóa, các trường lớp học Mầm non, tiêu học tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2017-2020)	0,10		0,10	0,10		0,10
6	Điểm trường Nà Lâu thuộc trường Mầm non Vĩnh Quang (QĐ số 1134/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Các phòng học thuộc chương trình kiên cố hóa, các trường lớp học Mầm non, tiêu học tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2017-2020)	0,05		0,05	0,05		0,05
7	Điểm trường Kham Nang thuộc trường Mầm non Vĩnh Quang (QĐ số 1134/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Các phòng học thuộc chương trình kiên cố hóa, các trường lớp học Mầm non, tiêu học tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2017-2020)	0,10		0,10	0,03		0,03
1,6	<i>Đất sinh hoạt cộng đồng</i>						
1	Nhà văn hóa xóm Nà Bón, xã Mông Ân (QĐ số 50/NQ-HĐND ngày 29/6/2018 của HĐND huyện Bảo Lâm về việc phê chuẩn điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020)	0,02		0,02	0,03		0,03
2	Nhà văn hóa xóm Khuổi Rò, xã Vĩnh Quang (QĐ số 50/NQ-HĐND ngày 29/6/2018 của HĐND huyện Bảo Lâm về việc phê chuẩn điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020)	0,02		0,02			
3	Nhà văn hóa xóm Nhậm Uóm, xã Vĩnh Quang (QĐ số 50/NQ-HĐND ngày 29/6/2018 của HĐND huyện Bảo Lâm về việc phê chuẩn điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020)	0,02		0,02	0,03		0,03

1.1	Đất giao thông													
1	Đô bê tông mặt đường xóm Khùng Không, xã Tân Việt, huyện Bảo Lâm (QĐ số 382/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn huyện Bảo Lâm tỉnh Cao Bằng)		0,24	0,10			0,14							
2	Công trình đường GTNT Tổng Phườn - Nặm Ròm - Nà Viêng, xã Nam Quang giai đoạn 3 (QĐ số 1469/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của UBND huyện Bảo Lâm phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình GTNT Tổng Phườn - Nặm Ròm - Nà Viêng, xã Nam Quang giai đoạn 3, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 392/QĐ - UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng)		2,40	0,20	0,20		0,20							
3	Mở nền đường GTNT xóm Don Sài, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm (QĐ số 382/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn huyện Bảo Lâm tỉnh Cao Bằng)		0,03	0,03				0,03	0,03					
1.2	Đất thủy lợi													
1	Mương bê tông xóm Nà Viêng, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm; (QĐ số 382/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn huyện Bảo Lâm tỉnh Cao Bằng)		0,04			0,04								
1.3	Đất sinh hoạt cộng đồng													
1	Nhà văn hóa xóm Nà Đăng, xã Tân Việt, huyện Bảo Lâm (QĐ số 382/QĐ-UBND ngày 9/9/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo quy chế đặc thù thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng)		0,01			0,01	0,01	0,01	0,01			0,01		
2	Nhà văn hóa xóm Cà Pén A, xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm (QĐ số 50/NQ-HĐND ngày 29/6/2018 của HĐND huyện Bảo Lâm về việc phê chuẩn điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020)		0,01			0,01	0,01	0,01	0,01			0,01		
3	Nhà văn hóa và sân vận động xã Yên Thổ, huyện Bảo Lâm (Công văn 1800/UBND-TH ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh Cao Bằng v/v giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công khởi công năm 2020 nguồn NSDP)		0,76			0,76	0,76	1,06				1,06		
1.4	Đất cơ sở nước chuyên dùng													
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Bắc Miếu, huyện Bảo Lâm (QĐ số 1338/QĐ-UBND tỉnh Cao Bằng ngày 24/8/2017)		0,10			0,10	0,10							Dự kiến thực hiện trong năm 2020
1.5	Đất khu dân cư nông thôn													

1	Điểm trường Nà Đon thuộc trường Mầm non Quảng Lâm (QĐ số 1134/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Các phòng học thuộc chương trình kiên cố hóa, các trường lớp học Mầm non, tiểu học tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2017-2020)		0,03	0,01			0,02	0,03	0,01			0,02	
1,6	Đất sinh hoạt cộng đồng												
4	Nhà văn hóa xóm Cốc Tếm, xã Vĩnh Quang (QĐ số 50/NQ-HĐND ngày 29/6/2018 của HĐND huyện Bảo Lâm về việc phê chuẩn điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020)		0,02		0,02			0,02					
5	Nhà văn hóa xóm Khuổi Nậy, xã Vĩnh Quang (QĐ số 50/NQ-HĐND ngày 29/6/2018 của HĐND huyện Bảo Lâm về việc phê chuẩn điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020)		0,02		0,02			0,02					
1,7	Đất nghĩa trang, nghĩa địa												
1	Nghĩa trang nhân dân trung tâm huyện Bảo Lâm (QĐ số 50/NQ-HĐND ngày 29/6/2018 của HĐND huyện Bảo Lâm về việc phê chuẩn điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020)		2,50	0,50	1,00		1,00	1,55				1,55	
1,8	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn phù hợp với quy hoạch												
1	Chuyển mục đích sử dụng đất khác sang đất ở nông thôn		0,45	0,45									
1,9	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở đô thị phù hợp với quy hoạch												
1	Chuyển mục đích sử dụng đất khác sang đất ở đô thị		0,05	0,05									
Tổng			125,27	7,59	17,77	0,00	100,09	108,37	0,94	1,02	0,00	106,42	
1,2	Công trình đăng ký mới năm 2019 thực hiện năm 2020												
1	Công trình, dự án cấp huyện												
1	Bất phát triển cơ sở hạ tầng cấp huyện, cấp xã												
1,1	Đất giao thông												
	Công trình đường GTNT Tổng Phườn - Nặm Ròm - Nà Viêng, xã Nam Quang giai đoạn 3 (QĐ số 1469/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của UBND huyện Bảo Lâm phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình GTNT Tổng Phườn - Nặm Ròm - Nà Viêng, xã Nam Quang giai đoạn 3, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 392/QĐ - UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng)		2,40	0,20	0,20		0,20						
3	Mở nền đường GTNT xóm Đon Sài, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm (QĐ số 382/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn huyện Bảo Lâm tỉnh Cao Bằng)		0,03	0,03			0,03	0,03					
Tổng			2,43	0,23	0,20	-	0,20	0,03	0,03	-	-	-	
Tổng			127,70	7,82	17,97	0,00	100,29	108,40	0,97	1,02	0,00	106,42	

Phụ biểu 02: HIỆN TRẠNG VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2011 - 2020
HUYỆN BẢO LÂM
 (Kèm theo Tờ trình số: 1432/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của UBND huyện Bảo Lâm)

STT	LOẠI ĐẤT	Hiện trạng		Hiện trạng		So sánh biến động; tăng (+), giảm (-) (ha)
		năm 2010		năm 2020		
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	(7)=(5)-(3)
1	Đất nông nghiệp	88365,15	96,77	83137,74	91,05	-5227,41
-	Đất trồng lúa	4170,23	4,57	3429,6	3,76	-740,63
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>					
-	Đất trồng cây hàng năm	11458,37	12,55	15657,47	17,15	4199,1
-	Đất trồng cây lâu năm	241,5	0,26	820,97	0,90	579,47
-	Đất rừng phòng hộ	72487,27	79,39	36703,24	40,20	-35784,03
-	Đất rừng đặc dụng					
-	Đất rừng sản xuất	4,5		26488,29	29,01	26483,79
-	Đất nuôi trồng thủy sản	3,28		38,17	0,04	34,89
-	Đất làm muối					
2	Đất phi nông nghiệp	3051,92	3,33	2597,7	2,21	-1016,73
-	Đất quốc phòng	2,19		3,5		1,31
-	Đất an ninh	0,54		0,7		0,16
-	Đất khu công nghiệp					
-	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia; trong đó:	1813,85	1,98	1376,15	0,88	-1000,23
+	Đất xây dựng trụ sở cơ	10,86	0,01	7,09	0,01	-3,77
+	Đất giao thông	625,4	0,68	568,63	0,62	-56,77
+	Đất thủy lợi	250,69	0,27	31,52	0,03	-219,17
+	Đất xây dựng cơ sở văn hóa			0,02		0,02
+	Đất xây dựng cơ sở y tế	2,41		3,3		0,89
+	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	31,56	0,03	40,87	0,04	9,31
+	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao			1,34		1,34
+	Đất thương mại dịch vụ			0,09		0,09
+	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	447,42	0,49	11,51	0,01	-435,91
+	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	438,67	0,48	142,41	0,16	-296,26
+	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	1,66		2,76		1,1
+	Đất công trình năng lượng	1,54		555,84	0,61	554,3
+	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,34		0,38		0,04
+	Đất chợ	2,65		5,5	0,01	2,85
+	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,65		4,89	0,01	4,24
-	Đất ở tại nông thôn	620,12	0,68	449,48	0,49	-170,64

STT	LOẠI ĐẤT	Hiện trạng		Hiện trạng		So sánh biến động; tăng (+), giảm (-) (ha)
		năm 2010		năm 2020		
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	(7)=(5)-(3)
-	Đất ở tại đô thị	24,61	0,03	37,42	0,04	12,81
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia					
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa					
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	1,84		1,97		0,13
-	Đất cơ sở tôn giáo			0,33		0,33
-	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,45		1,51		1,06
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	14,11	0,02	38,43	0,04	24,32
-	Đất sông,ngòi, kênh, rạch, suối	453,16	0,50	687,85	0,75	234,69
-	Đất có mặt nước chuyên dùng	121,05	0,13	0,38		-120,67
3	Đất chưa sử dụng	99,39		5570,73	6,10	5471,34
-	Đất bằng chưa sử dụng	99,39		1255,39	1,37	1156
-	Đất đồi núi chưa sử dụng			4293,83	4,70	4293,83
-	Núi đá không có rừng cây			21,51	0,02	21,51
4	Đất khu công nghệ cao*					
5	Đất khu kinh tế*					
6	Đất đô thị *					

Ghi chú: * Không cộng chi tiêu này khi tính tổng diện tích tự nhiên

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ THU HỒI ĐẤT VÀ ĐĂNG KÝ NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG TRONG NĂM 2021
 (Kèm theo tờ trình số 1432/Tr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của UBND huyện Bảo Lâm)

STT	Hạng mục	Diện tích và dự án theo Quyết định phê duyệt dự án	Diện tích đăng ký thu hồi đất và chuyển mục đích					Vị trí địa điểm			Dự án, công trình đăng ký mới	Dự án, công trình chuyển tiếp năm 2020	Cơ sở đề xuất (văn bản ghi vắn, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư,...)		
			Tổng diện tích đăng ký thu hồi (ha)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	Phường, xã	Số tờ bản đồ	Số thửa					
A	Công trình, dự án đăng ký thu hồi đất và đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Điều 61; Khoản 1, Khoản 2, Điều 62, Luật Đất đai 2013														
1	Công trình, dự án quốc phòng, an ninh														
1	Theo trường huấn luyện của huyện	25,00	0,60	11,40		13,00			179, 168, 180, ...	2, 5, 6, ... 58, 59, 60, 61, 1, 11, ...	X			Theo Văn bản số: 125/HĐND -VP ngày 02/11/2020 của HĐND huyện Bảo Lâm	
2	Xây dựng trụ sở Công an Quảng Lâm	0,50				0,50			149	1	X			Theo Văn bản số: 1730/UBND-ND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng	
3	Trụ sở làm việc Công an xã Thái Sơn	0,10	0,10						84	589, 590, 595, 596	X			Văn bản số: 1730/UBND-ND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng	
4	Nhà làm việc quản sv, công an xã (1200m2)	0,08		0,08					1	270	X			Văn bản số: 1730/UBND-ND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng	
5	Trụ sở làm việc Công an xã Yên Thổ	0,08				0,08			180	64	X			Văn bản số: 1730/UBND-ND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng	
Tổng		25,76	0,70	11,48	-	13,58									
B	Công trình, dự án đăng ký thu hồi đất và đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai 2013														
	Đất giao thông														
1	Công trình đường Tạ Lâu, xóm Tổng Ác 5 km, xã Lý Bôn, (NQ số 50/NQ-HĐND ngày 29/6/2018 của HĐND huyện Bảo Lâm Vv phê chuẩn bổ sung kế hoạch đầu tư công chung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020)	5,00		1,00		4,00			2, 99, 100, 288, ...	3, 90, 91, 99, 100, 1, 13, 114, 132, 133, 1, 49, 182	X			NQ số 50/NQ-HĐND ngày 29/6/2018 của HĐND huyện Bảo Lâm Vv phê chuẩn bổ sung kế hoạch đầu tư công chung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020)	
2	Mở mới nền đường GTNT Khuổi Mán thuộc xóm Tổng Ác	1,00		0,58		0,42			3, 4, 100	41, 66, 4, 5, 6, 10, 3	X			Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021	
3	Nâng cấp, cải tạo đường Nà Pồng - Đúc Hạnh (Cầu qua sông Gám), huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	25,00		24,70		0,30			3, 135, 134, 165, 182	31, 50, 233, 257, 43, 46, 62, 84, 7, 24, 27, 13, 15, 16, 50, 46, 1, 3, 33, 46, 55, 61, 71, 0, 69, 79, 26, 77, 81, 82, 83, 85, 84	X			Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Cao Bằng	

STT	Hạng mục	Diện tích theo Quyết định phê duyet dự	Diện tích đăng ký thu hồi đất và chuyển mục đích					Vị trí địa điểm		Dự án, công trình chuyển tiếp năm	Dự án, công trình chuyển tiếp năm	Cơ sở dữ liệu (văn bản ghi vốn, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư...)
			Tổng diện tích đăng ký thu hồi (ha)	Đất trồng hóa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	Phường, xã	Số tờ bản đồ			
4	Công trình đường GTNT-Tông Phươn - Nậm Rôm - Nà Viêng, xã Nậm Quang giai đoạn 3 (QĐ số 1469 /QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của UBND huyện Bảo Lâm phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình GTNT-Tông Phươn - Nậm Rôm - Nà Viêng, xã Nậm Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 392/QĐ - UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng)		2,40	0,04	2,30	0,06	Xã Nậm Quang	3,88, 89	117,390, 143,392, 183, ... 189,151,1 86,187,188,96,97		X	QĐ số 1469 /QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của UBND huyện Bảo Lâm phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình GTNT-Tông Phươn - Nậm Rôm - Nà Viêng, xã Nậm Quang giai đoạn 3, xã Nậm Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 392/QĐ - UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng
5	Tuyến đường GNTN Lũng Vai - Khau Nà - Lũng Nậm		4,00		3,40	0,60	Xã Mông Ân	3,2529	19,23,24,5,6,7,1 21,201,203,204, 47,48,2, ... 1,135,134,27 4,301, ... 25,28,10 6,116,38,16,17, 51,21		X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
6	Đường GTNT Bàn Búng (xã Yên Thồ) - Công Bằng (huyện Pắc Nặm, tỉnh Bắc Kạn)		2,00	0,03	1,77	0,20	Xã Yên Thồ	2,293,28 5	8,20,26,27,77,62, 80,83,487,597,47 4		X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
7	Đường Bàn Bó - Khau Cốc, xã Thái Học		2,80	0,80		2,00	Xã Thái Học	64,65,71	23,24,29,30		X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
8	Mô mới mặt đường cấp phối tự nhiên 2,5 km nối tiếp Bàn Miếu lên xóm Nậm Uốn xã Vĩnh Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng		1,00		1,00		Xã Vĩnh Quang	2	141		X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
	Đất cơ sở y tế											
9	Trạm y tế Xã Vĩnh Quang		0,15			0,15	Xã Vĩnh Quang	30	87, 88		X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
10	Trạm y tế xã Yên Thồ, huyện Bảo Lâm		0,03			0,03	Xã Yên Thồ	142	101, 99		X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
	Đất sinh hoạt cộng đồng											
11	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Cà Pén B, xã Đức Hạnh (Công văn số 2943/UBND-TH ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng v/v giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất CTĐT các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách TW theo QĐ số 2085/QĐ-TTg và 2086 QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)		0,02			0,02	Xã Đức Hạnh	204	54		X	Công văn số 2943/UBND-TH ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng v/v giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất CTĐT các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách TW theo QĐ số 2085/QĐ-TTg và 2086 QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ
12	Nhà văn hóa xóm Cà Lung, xã Đức Hạnh, Bảo Lâm		0,04		0,04		Xã Đức Hạnh	2	338		X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
13	Nhà văn hóa xóm Khau Dẻ		0,03			0,03	Xã Thái Sơn	51	67		X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
14	Xây dựng nhà văn hóa xóm Nậm Rôm		0,03			0,03	Xã Nậm Quang	22	259		X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021

STT	Hạng mục	Diện tích cả dự án theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư	Tổng diện tích đăng ký thu hồi (ha)	Diện tích đăng ký thu hồi đất và chuyển mục đích			Vị trí địa điểm			Dự án, công trình chuyển tiếp năm 2020	Dự án, công trình đăng ký mới	Cơ sở đề xuất (văn bản ghi vốn, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư,...)
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	Phường, xã	Số tờ bản đồ			
15	Nhà văn hóa và Sân vận động xã Nam Quang		0,30				0,30	Xã Nam Quang	88	80	X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
16	Nhà văn hóa xóm Bán Bung		0,02				0,02	Xã Nam Cao	174	162, 163	X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
17	Nhà văn hóa xóm Năm Đang		0,02				0,02	Xã Nam Cao	50	60	X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
18	Nhà văn hóa xóm Phía Liêng		0,02				0,02	Xã Nam Cao	178	7	x	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
19	Nhà văn hóa và Sân vận động xã Quảng Lâm		1,20	1,10			0,10	Xã Quảng Lâm	150	19,25,29,35,36,37,38,40,43,48,49,50,51,52,	X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
20	Nhà văn hóa và Sân vận động xã Lý Bôn		0,80	0,10			0,70	Xã Lý Bôn	164	42,42,45,52,56,58,59,60,61,62,66,57,70,68,67,69,71,72,96	X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
	Đất chợ											
21	Công trình hạ tầng chợ xã Nam Cao		0,17				0,17	Xã Nam Cao	137	17	X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
22	Nâng cấp, mở rộng chợ xã Yên Thỏ		0,08	0,08				Xã Yên Thỏ	162	264,265,266,315,316,317,318,319,320	X	Theo Dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021
	Chuyển mục đích sử dụng đất											
23	Đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ sang trồng sản xuất, trồng cây ăn quả (15ha/năm)		15,00		15,0			Xã Thái Sơn			X	Đăng ký danh mục đầu tư mới
24	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn		0,40	0,10			0,30	Xã Thái Sơn			X	Đăng ký danh mục đầu tư mới
25	Đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất		1,20		1,20			Xã Nam Cao			X	Theo Nghị quyết Đại hội Đảng huyện
26	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn		0,20				0,20	Xã Nam Cao			X	Đăng ký chuyển đổi mục đích
27	Đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất		1,65		1,65			Xã Mông Ân				Theo Nghị quyết Đại hội Đảng
Tổng			64,56	2,25	52,64	-	9,67					
C	Công trình, dự án đăng ký Kế hoạch sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất (không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất) quy định tại Điều 73, Luật Đất đai 2013											
Tổng												
Tổng A + B + C			90,32	2,95	64,12	-	23,25					

Phụ biểu 04: ĐỀ XUẤT NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021- 2030
HUYỆN BẢO LÂM

(Kèm theo Tờ trình số: 143⁹ /TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của UBND huyện Bảo Lâm)

ST T	LOẠI ĐẤT	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030		Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025)	
		Diện tích	Cơ cấu (%)	Diện tích	Cơ cấu (%)
		(ha)		(ha)	
1	Đất nông nghiệp	83023,02	90,93	83.033,96	90,94
-	Đất trồng lúa	3428,26	3,75	3.428,86	3,76
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>				-
-	Đất trồng cây hàng năm khác	15573,48	17,06	15.580,03	17,06
-	Đất trồng cây lâu năm	820,97	0,90	820,97	0,90
-	Đất rừng phòng hộ	36673,85	40,17	36.677,64	40,17
-	Đất rừng đặc dụng				-
-	Đất rừng sản xuất	26488,29	29,01	26.488,29	29,01
-	Đất nuôi trồng thủy sản	38,17	0,04	38,17	0,04
-	Đất làm muối				-
2	Đất phi nông nghiệp	2712,44	2,97	2.701,50	2,96
-	Đất quốc phòng	6,9	0,01	6,90	0,01
-	Đất an ninh	1,58		1,38	
-	Đất khu công nghiệp				-
-	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia; trong đó:	1486,59	1,63	1.475,85	1,62
+	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	7,09	0,01	7,09	0,01
+	Đất giao thông	671,83	0,74	665,48	0,73
+	Đất thủy lợi	31,94	0,03	31,71	0,03
+	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,02		0,02	
+	Đất xây dựng cơ sở y tế	5,06		3,50	
+	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	42,97	0,05	40,97	0,04
+	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	3,26		3,06	
+	Đất thương mại dịch vụ	0,09		0,09	
+	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	11,51	0,01	11,51	0,01
+	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	142,41	0,16	142,41	0,16
+	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ	2,76		2,76	
+	Đất công trình năng lượng	555,84	0,61	555,84	0,61
+	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,41		0,41	
+	Đất chợ	5,5	0,01	5,50	0,01
+	Đất sinh hoạt cộng đồng	5,9	0,01	5,50	0,01
-	Đất ở tại nông thôn	449,48	0,49	449,48	0,49
-	Đất ở tại đô thị	37,42	0,04	37,42	0,04
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia				-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa				-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	1,97		1,97	
-	Đất cơ sở tôn giáo	0,33		0,33	
-	Đất cơ sở tín ngưỡng	1,51		1,51	
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	38,43	0,04	38,43	0,04
-	Đất sông,ngòi, kênh, rạch, suối	687,85	0,75	687,85	0,75
-	Đất có mặt nước chuyên dùng	0,38		0,38	

3	Đất chưa sử dụng	5570,73	6,10	5.570,73	6,10
-	Đất bằng chưa sử dụng	1255,39	1,37	1.255,39	1,37
-	Đất đồi núi chưa sử dụng	4293,83	4,70	4.293,83	4,70
-	Núi đá không có rừng cây	21,51	0,02	21,51	0,02
4	Đất khu công nghệ cao*				
5	Đất khu kinh tế*				
6	Đất đô thị*				

**Phụ biểu 05: DANH MỤC ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM
CƠ SỞ DÙNG ĐẤT THỜI KỲ 2021 - 2030
HUYỆN BẢO LÂM**

(Kèm theo *Tờ trình số: 1432/T.UBND* ngày 30 tháng 10 năm 2020 của UBND huyện Bảo Lâm)

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)		Địa điểm	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch (3)-(4)+(5)	Hiện trạng Tăng thêm			
-1	-2		-4	-6	-7	-8
1	Công trình đường Tà Lâu, xóm Tổng Ấc 5 km, xã Lý Bôn, (NQ số 50/NQ-HĐND ngày 29/6/2018 của HĐND huyện Bảo Lâm V/v phê chuẩn bổ sung kế hoạch đầu tư công chung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020	5,00		Xã Lý Bôn	Chuyển tiếp	
2	Công trình đường GTNT Tổng Phước - Nậm Ròm - Nà Viêng, xã Nam Quang giai đoạn 3 (QĐ số 1469/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của UBND huyện Bảo Lâm phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình GTNT Tổng Phước - Nậm Ròm - Nà Viêng, xã Nam Quang giai đoạn 3, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 392/QĐ - UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng)	2,40	2,40	Xã Nam Quang	Chuyển tiếp	
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Cà Pén B. xã Đức Hạnh (Công văn số 2943/UBND-TH ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng v/v giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất CTĐT các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách TW theo QĐ số 2085/QĐ-TTg và 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)	0,02	0,02	Xã Đức Hạnh	Chuyển tiếp	
4	Mở mới mặt đường cấp phối tự nhiên 2,5 km nối tiếp Bản Miêu lên xóm Nặm Uóm xã Vĩnh Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	1,00	1,00	Xã Vĩnh Quang	2021	
5	Mở mới mặt đường cấp phối tự nhiên 3 km nối Khuổi Rò lên xóm Nà Lâu xã Vĩnh Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	1,20	1,20	Xã Vĩnh Quang	2022	
6	Trụ sở làm việc công an chính quy xã Vĩnh Quang	20,20	20,20	Xã Vĩnh Quang	2026	
7	Mở mới mặt đường cấp phối tự nhiên 4 km từ xóm Bản Miêu lên xóm Phiêng Rù	1,60	1,60	Xã Vĩnh Quang	2023	
8	Mở mới mặt đường cấp phối tự nhiên 5 km từ xóm Nà Luông lên xóm Pác Đoa, xã Vĩnh Quang	20,00	20,00	Xã Vĩnh Quang	2024	
9	Mở mới Nền đường GTNT Bản Miêu, Nà Hiên chiều dài 4 km	1,60	1,60	Xã Vĩnh Quang	2023	
10	Nền đường GTNT Bản Miêu, Phiêng Rù 1,5 km	0,60	0,60	Xã Vĩnh Quang	2025	
11	Trạm y tế Xã Vĩnh Quang	0,20	0,20	Xã Vĩnh Quang	2021	
12	Nhà văn hóa xóm Nặm Lạn, xã Vĩnh Quang	0,03	0,03	Xã Vĩnh Quang	2025	
13	Mương thủy lợi xóm Lũng Vài, giai đoạn 2 (Thuộc đất xã Yên Thố)	0,09	0,09	Xã Thái Sơn	2021, 2022	
14	Nhà văn hóa xóm Khau Dề	0,03	0,03	Xã Thái Sơn	2021	
15	Trụ sở làm việc công an xã Thái Sơn	0,10	0,10	Xã Thái Sơn	2021	
16	Nhà văn hóa xóm Lũng Chang (Thuộc đất xã Yên Thố)	0,03	0,03	Xã Thái Sơn	2022	
17	Nước sinh hoạt tập trung xóm Bản Lìn	0,01	0,01	Xã Thái Sơn	2023	

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
18	Mương thủy lợi từ thác Lũng Chang đến trung tâm xóm	0,06		0,06	Xã Thái Sơn	2023	
19	Nước sinh hoạt tập trung xóm Nặm Trà	0,03		0,03	Xã Thái Sơn	2024	
20	Nhà văn hóa xóm Nà Lóm	0,03		0,03	Xã Thái Sơn	2024	
21	Đường GTNT Bàn Lìn - Đin Deng	1,01		1,01	Xã Thái Sơn	2024, 2025	
22	Đường GTNT Nà Chon - Ngàn Diểm	0,82		0,82	Xã Thái Sơn	2025	
23	Đường Nà Bó - Khuổi Qua	2,40		2,40	Xã Thái Sơn	2026	
24	Đường Bàn Là - Khau Xứ	1,20		1,20	Xã Thái Sơn	2027	
25	Đường Bàn Lìn - Lũng Chau	1,10		1,10	Xã Thái Sơn	2028	
26	Mương từ khe Khuổi Ngầu đến Nà Lóm (thôn Nà Lóm)	0,11		0,11	Xã Thái Sơn	2029	
27	Mương từ Nặm Trà đến Nà Lóm (thôn Nà Lóm)	1,12		1,12	Xã Thái Sơn	2030	
28	Nhà văn hóa xã, khu thể thao	0,20		0,20	Xã Thái Sơn	2030	
29	Đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ sang rừng sản xuất, trồng cây ăn quả (15ha/năm)	135,00		135,00	Xã Thái Sơn	2021-2030	
30	Công trình Nhà ở nông thôn	1,56		1,56	Xã Thái Sơn	2021-2030	
31	Nhà làm việc quân sự, công an xã (1200m ²)	0,08		0,08	Xã Vĩnh Phong	2021	
32	Mặt đường GTNT Ân Nội - Nặm Luồng	2,80		2,80	Xã Vĩnh Phong	2022	
33	Bãi thao trường khu căn cứ chiến đấu xã Vĩnh Phong	2,50		2,50	Xã Vĩnh Phong	2022	
34	Bưu điện văn hóa xã	0,03		0,03	Xã Vĩnh Phong	2023	
35	Sân thể thao xã Vĩnh Phong	0,12		0,12	Xã Vĩnh Phong	2023	
36	Nhà văn hóa xóm Cà Lung, xã Đức Hạnh, Bảo Lâm	0,04		0,04	Xã Đức Hạnh	2021	
37	Phòng Hiệu bộ trường tiểu học Cốc Lý, xã Đức Hạnh, Bảo Lâm	0,10		0,10	Xã Đức Hạnh	2025	
38	Trường Mầm non xã Đức Hạnh	2,00		2,00	Xã Đức Hạnh	2026	
39	Nhà Văn hóa xóm Cốc Lý xã Đức Hạnh	0,04		0,04	Xã Đức Hạnh	2026	
40	Nhà văn hóa và sân vận động xã Nam Quang	0,03		0,03	Xã Nam Quang	2021	
41	Xây dựng nhà văn hóa xóm Tổng Phườn	0,02		0,02	Xã Nam Quang	2023	
42	Xây dựng nhà văn hóa xóm Khâu Cà	0,03		0,03	Xã Nam Quang	2024	
43	Xây dựng nhà văn hóa xóm Nặm Ròm	0,03		0,03	Xã Nam Quang	2021	

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)		Địa điểm	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng			
44	Cần cứ chiến đấu quân sự: Tại xóm Mạị Rại	0,50		thị trấn Pác Miầu	2021	
45	Thao trường diễn tập (Bãi bắn) tại xóm Chè Pén	0,40		thị trấn Pác Miầu	2021	
46	Nhà văn hóa Phía Liêng	0,02		Xã Nam Cao	2021	
47	Đập mương thủy lợi Phía Cọ	0,09		Xã Nam Cao	2021	
48	Nhà văn hóa Năm Đang	0,02		Xã Nam Cao	2021	
49	Công trình hạ tầng chợ xã Nam Cao	1,70		Xã Nam Cao	2021	
50	Đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất	1,20		Xã Nam Cao	2021	
51	Chuyển mục đích đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn xã Nam Cao	0,20		Xã Nam Cao	2021	
52	Nhà văn hóa xóm Bán Bung	0,02		Xã Nam Cao	2022	
53	Đập mương thủy lợi	0,10		Xã Nam Cao	2022	
54	Công trình nước sạch	0,02		Xã Nam Cao	2022	
55	Mở mới đường GTNT Phía Cò I - Phía Cò II (Giai đoạn I)	0,500		Xã Nam Cao	2023	
56	Công trình nước sạch	0,200		Xã Nam Cao	2023	
57	Mở mới đường GTNT Phía Cò I - Phía Cò II (Giai đoạn II)	0,500		Xã Nam Cao	2024	
58	Đập thủy lợi Nà Pho - Bán Cao	0,400		Xã Nam Cao	2024	
59	Mở mới đường GTNT Phía Cò I - Phía Cò II (Giai đoạn III)	0,500		Xã Nam Cao	2025	
60	Công trình nước sạch Phía Cò II	0,300		Xã Nam Cao	2026	
61	Đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất	0,500		Xã Nam Cao	2026	
62	Mở mới đường Phía Cò 2 - Ngọc Long - Yên minh	0,300		Xã Nam Cao	2027	
63	Công trình nhà ở Nông thôn	0,200		Xã Nam Cao	2027	
64	Công trình nhà ở Nông thôn	0,300		Xã Nam Cao	2028	
65	Đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất	0,300		Xã Nam Cao	2029	
66	Công trình nhà ở Nông thôn	0,200		Xã Nam Cao	2029	
67	Công trình nhà ở Nông thôn	0,100		Xã Nam Cao	2030	
68	Đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất	0,300		Xã Nam Cao	2030	
69	Mở mới nền đường GTNT Nà Sài- Tà Lầu	2,00		Xã Lý Bôn	2021	
70	Mở mới nền đường GTNT Khuổi Mán	1,00		Xã Lý Bôn	2021	
71	Mở mới nền đường GTNT Khuổi Sung- Nà Kháng	1,00		Xã Lý Bôn	2023	
72	Mở mới nền đường GTNT Pác Pét- Bán Báng	1,50		Xã Lý Bôn	2023	
73	Mở mới nền đường GTNT Pác Ruộc- Khuổi Bon	1,50		Xã Lý Bôn	2023	
74	Mở mới nền đường GTNT Phiêng Đăm- Lũng Cài	1,50		Xã Lý Bôn	2025	
75	Mở mới nền đường GTNT Phiêng Đăm- Thôm Tàu	1,00		Xã Lý Bôn	2025	
76	Mở mới nền đường GTNT Phiêng Pén- Đông Táng	1,00		Xã Lý Bôn	2022	
77	Mở mới nền đường GTNT Đông Luồn	1,50		Xã Lý Bôn	2022	

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
78	Nhà văn hóa xã, sân thể thao trung tâm xã	1,60		1,60	Xã Lý Bôn	2023	
79	Xây dựng trụ sở công an Quảng Lâm	0,50		0,50	Xã Quảng Lâm	2021	
80	Nhà văn hóa và Sân vận động xã Quảng Lâm	1,20		1,20	Xã Quảng Lâm	2021	
81	Mở mới tuyến Nà Don - Nặm Miaoong	0,45		0,45	Xã Quảng Lâm	2022-2024	
82	Mở mới tuyến Nặm Miaoong - P. trưởng Nặm Miaoong	0,90		0,90	Xã Quảng Lâm	2024-2026	
83	Tuyến Khu Củng - Lũng Vài	0,75		0,75	Xã Quảng Lâm	2025	
84	Mở mới tuyến Phiêng Mưong - Nà Húc	0,75		0,75	Xã Quảng Lâm	2026-2028	
85	Tuyến Phiêng Phát - Lũng Kim - Lũng Éo	0,90		0,90	Xã Quảng Lâm	2028-2030	
86	Công trình xây dựng trụ sở Công an xã chính quy	0,20		0,20	Xã Mông Ân	2021-2030	
87	Công trình điện sinh sinh hoạt xóm Lũng Nặm	0,30		0,30	Xã Mông Ân	2021-2030	
88	Đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất	1,65		1,65	Xã Mông Ân	2021	
89	Tuyến Đường GTNT Lũng Vài - Khu Nà - Lũng Nặm	4,00		4,00	Xã Mông Ân	2021	
90	Công trình Nhà văn hóa xóm Lũng Nặm, xã Mông Ân,	0,03		0,03	Xã Mông Ân	2022	
91	Công trình Mặt đường bê tông xóm Phiêng Mêng, xã Mông Ân	0,30		0,30	Xã Mông Ân	2022	
92	Công trình điện sinh sinh hoạt xóm Don sai, Xóm Khu Lạ	0,50		0,50	Xã Mông Ân	2022	
93	Đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất	1,65		1,65	Xã Mông Ân	2022	
94	Tuyến Đường GTNT Khu Trù - Nà Mầu	1,00		1,00	Xã Mông Ân	2023	
95	Công trình Mặt đường bê tông xóm Nà Bon,				Xã Mông Ân	2023	
96	Công trình Mặt đường bê tông xi măng tuyến Nà Làng – Khu Lệnh	0,30		0,30	Xã Mông Ân	2023	
97	Công trình điện sinh sinh hoạt xóm Nà Pông Phiêng Mạnh	0,50		0,50	Xã Mông Ân	2023	
98	Đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất	1,50		1,50	Xã Mông Ân	2023	
99	Tuyến Đường GTNT liên xã xóm Nà Mầu, xã Mông Ân - xóm Mây Rải, TT Pác Miều	2,50		2,50	Xã Mông Ân	2023	
100	Công trình điện sinh sinh hoạt xóm Lũng Nặm	0,30		0,30	Xã Mông Ân	2024	
101	Đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất	1,65		1,65	Xã Mông Ân	2024	
102	Đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất	1,65		1,65	Xã Mông Ân	2025	
103	Tuyến Đường GTNT Don Sai - Phiêng Mêng - Nà Pông	2,00		2,00	Xã Mông Ân	2025	
104	Công trình: Trường THCS Mông Ân (Trường đạt chuẩn Nông thôn mới)	0,30		0,30	Xã Mông Ân	2026	
105	Công trình mở mới đường Xóm Nà Mầu - Xóm Mây Rải, Thị trấn Pác Miều	1,50		1,50	Xã Mông Ân	2027	
106	Tuyến Đường GTNT Khu 1 - TT.Pác Miều - Bàn Mỏ - Khu Lạ, xã Mông Ân - Cốc Kọc, xã Thái Học	5,50		5,50	Xã Mông Ân	2028	
107	Công trình điện sinh hoạt Bàn mỏ, Khu lạ	0,20		0,20	Xã Mông Ân	2029	
108	Công trình điện sinh hoạt Nà Pông, Phiêng Mêng	0,20		0,20	Xã Mông Ân	2030	
109	Đường từ UBND xã Sơn Lập (huyện Bảo Lạc) - UBND xã Yên Thỏ (huyện Bảo Lâm), tỉnh Cao Bằng	68,73		68,73	Xã Yên Thỏ	2021-2030	
110	Nâng cấp, mở rộng chợ xã Yên Thỏ	0,30		0,30	Xã Yên Thỏ	2021	
111	Trạm y tế xã Yên Thỏ	0,03		0,03	Xã Yên Thỏ	2021	
112	Trụ sở làm việc Công an xã Yên Thỏ	0,08		0,08	Xã Yên Thỏ	2021	
113	Đường GTNT Bàn Búng (xã Yên Thỏ) - Công Bằng (huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn)	2,00		2,00	Xã Yên Thỏ	2021	
114	Chuyến mục đích đất LUK, LNK sang đất ở nông thôn 6 hộ xóm Bàn Chang 1	0,16		0,16	Xã Yên Thỏ	2023	
115	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất	0,40		0,40	Xã Yên Thỏ	2021-2025	

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)		Địa điểm	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng			
116	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất từ rừng phục hồi cây xanh sang đất trồng cây hàng năm	1,46		Xã Yên Thổ	2026	
117	Mở mới và bê tông mặt đường Tông Dùn - Phía Dao, xã Thạch Lâm giai đoạn 2	2,25		Xã Thạch Lâm	2021-2030	
118	Nhà văn hóa xóm Bán Luáy, xã Thạch Lâm	0,01		Xã Thạch Lâm	2023	
119	Mở mới đường Nậm Lếch - Phía Cò, xã Thạch Lâm	1,60		Xã Thạch Lâm	2023	
120	Nhà văn hóa xóm Khau Noong, xã Thạch Lâm	0,01		Xã Thạch Lâm	2023	
121	Nhà Văn hóa xóm Lũng Rịa, xã Thạch Lâm	0,01		Xã Thạch Lâm	2023	
122	Nhà văn hóa xóm Khau Ca, xã Thạch Lâm	0,01		Xã Thạch Lâm	2023	
123	Nhà văn hóa xóm Nặm Pục, xã Thạch Lâm	0,01		Xã Thạch Lâm	2023	
124	Nhà văn hóa xóm Khau Ràng, xã Thạch Lâm	0,01		Xã Thạch Lâm	2025	
125	Đường Bàn Bó - Khau Cóc, xã Thái Học	2,8		xã Thái Học	2021	
126	Đường GTNT Ngâm Vây - Khuổi Ngầu, xã Thái Học	1,5		xã Thái Học	2021-2030	
127	Đường GTNT Vằng Vật - Khau Ninh, xã Thái Học	2,8		xã Thái Học	2022	
128	Đường GTNT Phiêng Phay - Khau Ninh, xã Thái Học	3,2		xã Thái Học	2023	
129	Kênh xóm Cốc Kạch, xã Thái Học	0,9		xã Thái Học	2024	
130	Nâng cấp, cải tạo đường Nà Pông - Đức Hạnh (Cầu qua sông Gám), huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	25,00		Xã Lý Bôn, Xã Đức Hạnh	2021	
131	Dự án Phát triển đô thị Cải tạo chỉnh trang khu ở phía Bắc	0,50		Huyện	2021-2030	
132	Dự án Phát triển đô thị Cải tạo chỉnh trang khu ở phía Bắc, giáp Quốc lộ 34	2,00		Huyện	2021-2030	
133	Dự án Phát triển đô thị Cải tạo chỉnh trang khu ở - giáp chợ huyện	1,70		Huyện	2021-2030	
134	Dự án Phát triển đô thị Cải tạo chỉnh trang khu ở trung tâm huyện	4,70		Huyện	2021-2030	
135	Dự án Phát triển đô thị Cải tạo chỉnh trang khu ở phía Đông Nam thị trấn	3,80		Huyện	2021-2030	
136	Dự án Phát triển đô thị Cải tạo chỉnh trang khu ở phía Nam thị trấn	1,10		Huyện	2021-2030	
137	Dự án khu ở mới phía Bắc - Đối diện UBND huyện 0.6			Huyện	2021-2030	
138	Dự án khu ở mới phía Nam - Giáp sân vận động	1,50		Huyện	2021-2030	
139	Dự án phát triển đô thị Quảng trường trung tâm huyện	0,65		Huyện	2021-2030	
140	Dự án phát triển đô thị Cải tạo chỉnh trang khu ở phía Tây Nam - Giáp phía Nam QL 34	1,10		Huyện	2021-2030	
141	Dự án phát triển đô thị khu ở mới phía Nam - Giáp phía Bắc QL 34	2,40		Huyện	2021-2030	
142	Dự án phát triển đô thị khu ở mới phía Tây	2,50		Huyện	2021-2030	
143	Dự án phát triển đô thị ở mới phía Tây Bắc	4,50		Huyện	2021-2030	
144	Thao trường huấn luyện của huyện	25,00		Xã Quang Lâm	2021-2030	
145	Nhà ở thường trực a DQCC xã Đức Hạnh	0,21		Xã Đức Hạnh	2021-2030	
146	Nhà ở huấn luyện lực lượng DQTV, DBĐV	0,11		thị trấn Pác Miếu	2021-2030	
147	Nhà huấn luyện thể lực	0,02		thị trấn Pác Miếu	2021-2030	
148	Công trình khu căn cứ chiến đấu 1	21,00		Xã Vĩnh Phong	2021-2030	
149	Công trình khu căn cứ chiến đấu 2	0,80		Xã Mông Ân	2021-2030	

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Ghi chú
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
150	Công trình khu căn cứ hậu phương 1	0,50		0,50	Xã Lý Bôn	2021-2030	
151	Công trình khu căn cứ hậu phương 2	0,80		0,80	Xã Nam Quang	2021-2030	
152	Trận địa phòng ngự tuyến biên giới	3,00		3,00	Xã Đức Hạnh	2021-2030	
153	Khu vực phòng thủ huyện	20,00		20,00	Xã Thái Học	2021-2030	
154	Khu vực phòng thủ huyện	25,00		25,00	Xã Mông Ân	2021-2030	
155	Khu vực phòng thủ huyện	0,50		0,50	Xã Vĩnh	2021-2030	
156	Thao trường huấn luyện	0,10		0,10	Xã Đức Hạnh	2021-2030	
157	Thao trường huấn luyện	0,10		0,10	Xã Mông Ân	2021-2030	
158	Thao trường huấn luyện	0,30		0,30	Xã Yên Thố	2021-2030	
159	Thao trường huấn luyện	0,10		0,10	Xã Thái Học	2021-2030	
160	Thao trường huấn luyện	0,15		0,15	Xã Thái Sơn	2021-2030	
161	Thao trường huấn luyện	0,10		0,10	Xã Quảng Lâm	2021-2030	
162	Thao trường huấn luyện	0,15		0,15	Xã Thạch Lâm	2021-2030	
163	Thao trường huấn luyện	0,25		0,25	Xã Nam Quang	2021-2030	
164	Thao trường huấn luyện	0,10		0,10	Xã Nam Cao	2021-2030	
165	Thao trường huấn luyện	0,10		0,10	Xã Lý Bôn	2021-2030	
166	Thao trường huấn luyện	0,10		0,10	Xã Vĩnh Phong	2021-2030	
167	Thao trường huấn luyện	0,40		0,40	Xã Vĩnh Quang	2021-2030	
168	Thao trường huấn luyện	0,15		0,15	thị trấn Pác Miếu	2021-2030	
Tổng		500,98	-	500,98			